

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2024

Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bé Nhật Độ.

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T; Sinh ngày 22/7/1996;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm NK, xã MK, huyện TA, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở hiện nay: Trường Mầm non HG, xã HG, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nông Văn C; Sinh ngày 21/01/1992;

Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú hiện nay: Xóm BT, xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2024, bản tự khai ngày 25/6/2024, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày: Chị và anh Nông Văn C kết hôn vào ngày 26/01/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng, kết hôn do tự nguyện. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 04 năm. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến ngày 29/12/2022 thì chị và anh C phát sinh mâu thuẫn do chị với chồng và nhà chồng sống chung không hòa hợp. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân từ ngày 17 tháng 01 năm 2023. Nay chị yêu cầu giải

quyết được ly hôn với anh C. Trong thời gian chung sống, chị và anh C có 01 con chung tên là Nông Kiến T2, sinh ngày 08/5/2018, giới tính: Nam, hiện tại con chung đang ở với anh C và gia đình nhà chồng tại xóm BT, xã BĐ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2024 anh Nông Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T, về con chung anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung vì anh đã trực tiếp nuôi con từ khi còn nhỏ và anh không yêu cầu cấp dưỡng. Còn về thủ tục tố tụng thì anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, chị Đàm Thị T làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo đó chị T đồng ý để cho anh C là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị đề nghị không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên đã cung cấp đầy đủ lời khai cho Tòa án. Việc T thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đàm Thị T kết hôn với anh Nông Văn C, địa chỉ: Xóm BT, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh C, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T và anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Nông Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, Hòa An, Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì chị và anh C phát sinh mâu thuẫn do hai bên không thể hòa đồng trong cuộc sống hàng ngày, đã không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh C.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2024 anh Nông Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T còn về con chung thì anh yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng. Ngày 08/8/2024 chị T làm đơn thay đổi yêu cầu theo đó chị nhất trí để anh C là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh C đều thừa nhận hai vợ chồng có 01 con chung, tên là Nông Kiên T2, sinh ngày 08/5/2018, khi ly hôn cả chị T và anh C đều thống nhất là để anh C sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung khi đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do cả hai bên đều không yêu cầu nên đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh C đều xác nhận là vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn với anh Nông Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Kiến T2, sinh ngày 08/5/2018 cho anh Nông Văn C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đàm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng chị T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của anh C. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị T, anh C có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0001419 ngày 07/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MK, huyện TA;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải